

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 5/2/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	925,91	103,19
Thay đổi (%)	-0,34%	0,60%
KLGD (triệu CP)	197,38	36,94
GTGD (tỷ VNĐ)	4.319,55	401,87
Số CP tăng giá	180	54
Số Cp đứng giá	67	56
Số Cp giảm giá	151	64

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	2,15	1,32
PE (lần)	14,35	8,99
Hệ số Beta	1,01	0,75
ROE (%)	19,61%	15,20%
ROA (%)	7,72%	5,48%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	33,70	2,11
GTGD (tỷ VNĐ)	1.321,31	46,91

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	1.106,05	44,76
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	-1.279,23	-65,53
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	-173,18	-20,77
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	-193,95	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	845,31	-0,21
VN30F1910	841,8	-0,4
VN30F1911	843,5	-1,5
VN30F1912	850,8	-2,5
VN30F2003	848,1	2,1

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	28.807,63	1,44%
S&P 500 *	3.297,59	1,50%
DAX *	13.281,74	1,81%
FTSE 100 *	7.439,82	1,55%
Nikkei 225	23.319,56	1,02%
Hang Seng	26.786,74	0,42%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

Lực cầu suy yếu khiến Vn-Index giảm 3 điểm, nhóm được phẩm bị chốt lời mạnh

Diễn biến thị trường:

Những diễn biến tích cực trên TTCK mỹ vào đêm qua đã tác động tốt tới tâm lý giới đầu tư, khiến Vn-Index mở cửa tăng khá hứng khởi. Mặc dù vậy, lực cầu không thực sự vượt trội, cùng với việc lực cung vẫn luôn trường trực khiến chỉ số nhanh chóng bị kéo về giằng co quanh mốc tham chiếu, và thậm chí còn đóng cửa trong sắc đỏ. Trong đó, nhóm Bluechips thể hiện sự phân hóa mạnh, khi về phía tăng điểm, đáng chú ý có HDB tăng 3,1%, VPB tăng 3%, BVH tăng 2%, PLX tăng 1,6%, VNM tăng 1,5%, VHM tăng 0,4%,... Ở chiều ngược lại, các mã giảm điểm vẫn tỏ ra áp đảo với nhiều mã như ROS, SAB, BID, VCB, CTG, VJC, VIC, NVL, GAS... khiến thị trường đóng cửa giảm hơn 3 điểm.

Dù thị trường chung giảm điểm, nhưng điểm tích cực là sắc xanh đã xuất hiện nhiều hơn trên các cổ phiếu và nhóm ngành, thể hiện qua việc có tới 180 mã tăng trên sàn HOSE. Ở các nhóm ngành mang tính thị trường, các cổ phiếu bất động sản, xây dựng giao dịch khá tích cực với CTD, CEO, DIG, DXG, HDG, HDC, SJS, TIP tăng điểm. Bên cạnh đó, nhóm dầu khí với PVD, PVS, PVT cũng hồi phục cùng xu hướng giá dầu thế giới. Đáng chú ý, nhóm thủy sản, dệt may, khu công nghiệp bất ngờ "dậy sóng" với nhiều mã tăng rất mạnh như MPC, VHC, VGT, D2D, BCM, SZL,... Trong khi đó, nhóm cổ phiếu được phẩm sau vài phiên tăng mạnh bởi "hiệu ứng Corona" đã bị bán mạnh và nhiều cổ phiếu thậm chí còn giảm sàn. Trên TTCK Phái sinh, hai HĐTL F2002 và F2003 đóng cửa với basis âm 3,51 và 1,81 điểm, cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng.

Giao dịch khối ngoại diễn ra không thực sự tích cực khi họ tiếp tục bán ròng gần 200 tỷ đồng trên toàn thị trường. Lực bán tập trung vào các cổ phiếu như DXG (62,16 tỷ đồng), VNM (38,7 tỷ đồng), HPG (33,8 tỷ đồng)... Ở chiều ngược lại, khối này mua ròng mạnh các mã như HDB (34,7 tỷ đồng), E1VFN30 (32,6 tỷ đồng), CTG (15 tỷ đồng),...

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của cổ phiếu CSI vẫn rất trầm lắng khi đây đã là phiên thứ 10 liên tiếp cổ phiếu này không xuất hiện giao dịch. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 12.900 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Dù các thị trường quốc tế đồng loạt tăng điểm đêm qua, nhưng TTCK Việt Nam lại quay đầu giảm điểm, mặc dù vậy áp lực bán đã không còn quá lớn. Thanh khoản trong phiên hôm nay tiếp tục giảm so với phiên trước đó, và đạt khoảng 3.350 tỷ đồng trên cả hai sàn (không tính giao dịch thỏa thuận), cho thấy dù lực bán ra đã không còn quá mạnh, nhưng lực cầu cũng chưa thực sự chủ động. Chúng tôi nhận định rằng, dù thị trường có thể xuất hiện nhịp hồi trong vài phiên tới, nhưng xu hướng giảm điểm vẫn đang chiếm ưu thế, nên cơ hội đầu tư vẫn chưa thực sự rõ ràng trong giai đoạn này. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị quý nhà đầu tư tiếp tục đứng ngoài quan sát, giữ tài khoản ở trạng thái an toàn, và chờ đợi thêm những thông tin tích cực về dịch Corona, cũng như các tín hiệu khả quan hơn từ thị trường.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	MACD	TIÊU CỰC
Volume	TIÊU CỰC	MA18	TIÊU CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TRUNG TÍNH	Trend Trung hạn	TÍCH LŨY

Kết luận: Sau phiên xanh nhẹ hôm qua, thì hôm nay sắc đỏ đã quay lại, nhưng áp lực bán đã không còn quá mạnh như các phiên trước đó. Thị trường có xu hướng tiến vào vùng tích lũy để lấy lại trạng thái cân bằng sau nhiều phiên biến động mạnh. Thanh khoản cũng liên tục suy giảm để phản ánh tâm lý phân vân của giới đầu tư.

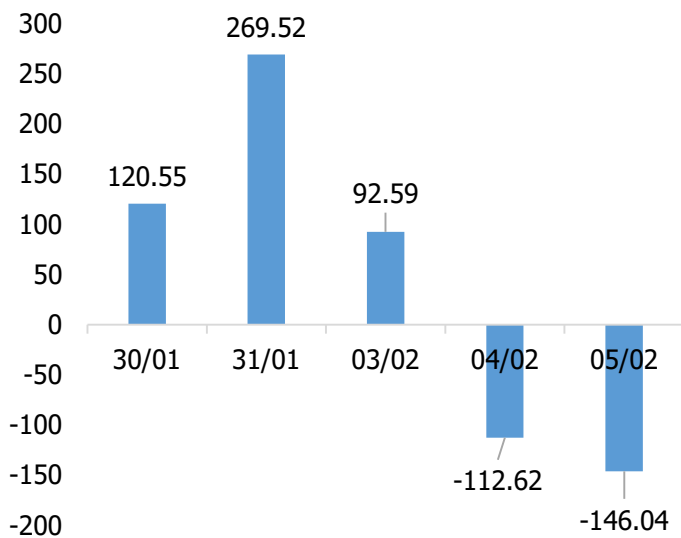
Phiên giảm nhẹ hôm nay không làm thay đổi xu hướng đã hình thành trước đó. Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ có sự hồi phục nhẹ tiến tới mốc hỗ trợ 940 điểm đã bị phá vỡ trước đó. Tuy nhiên, thời điểm này vẫn chưa an toàn cho xu hướng mua, cần chờ thị trường tích lũy quanh mốc 940 điểm và xuất hiện phiên bùng nổ tăng điểm vượt qua ngưỡng trên để hình thành nên điểm mua an toàn. Vì thế, chúng tôi duy trì quan điểm cũ, kiên nhẫn đứng ngoài quan sát.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

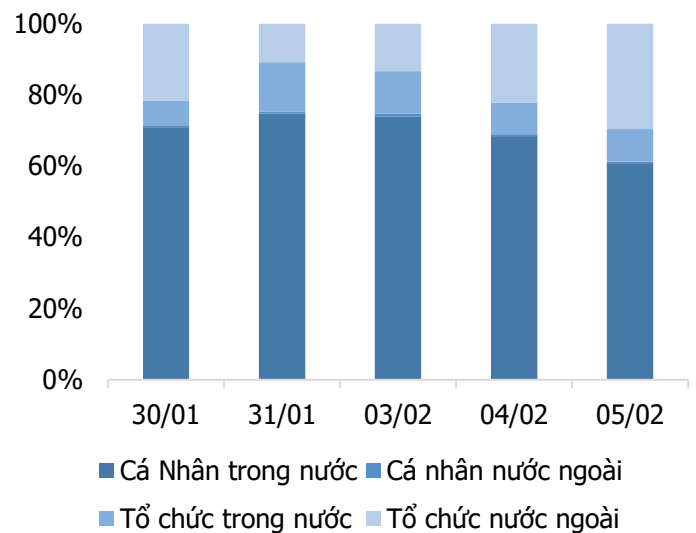
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



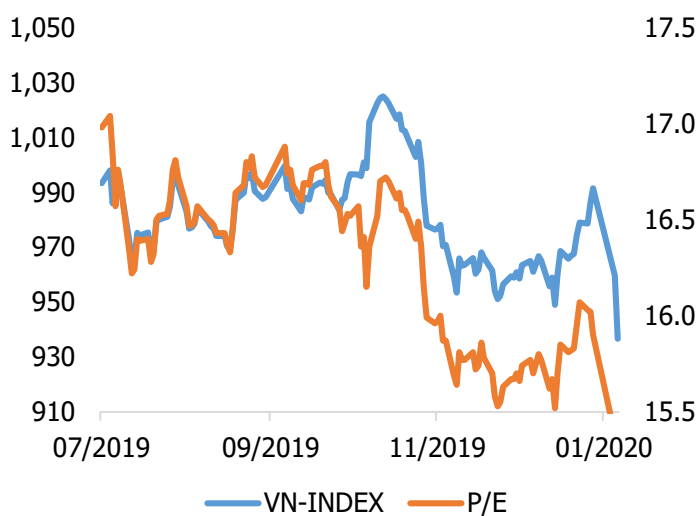
Giao dịch theo NĐT



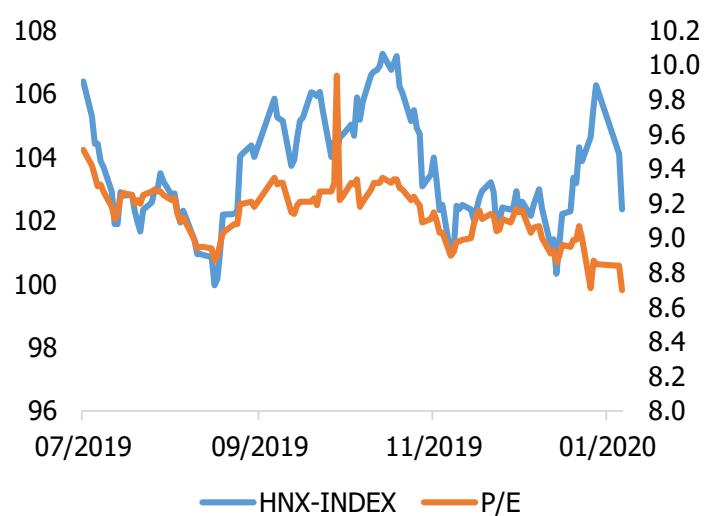
Vn-index - P/E lịch sử

Hn-index - P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



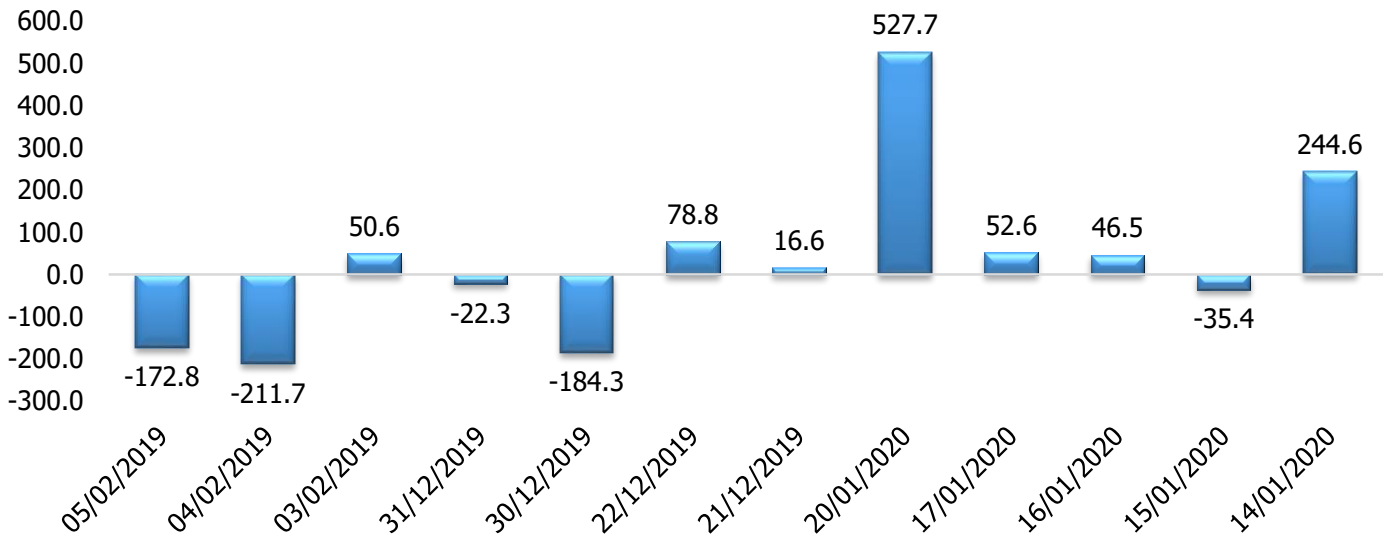
HNXIndex - P/E lịch sử



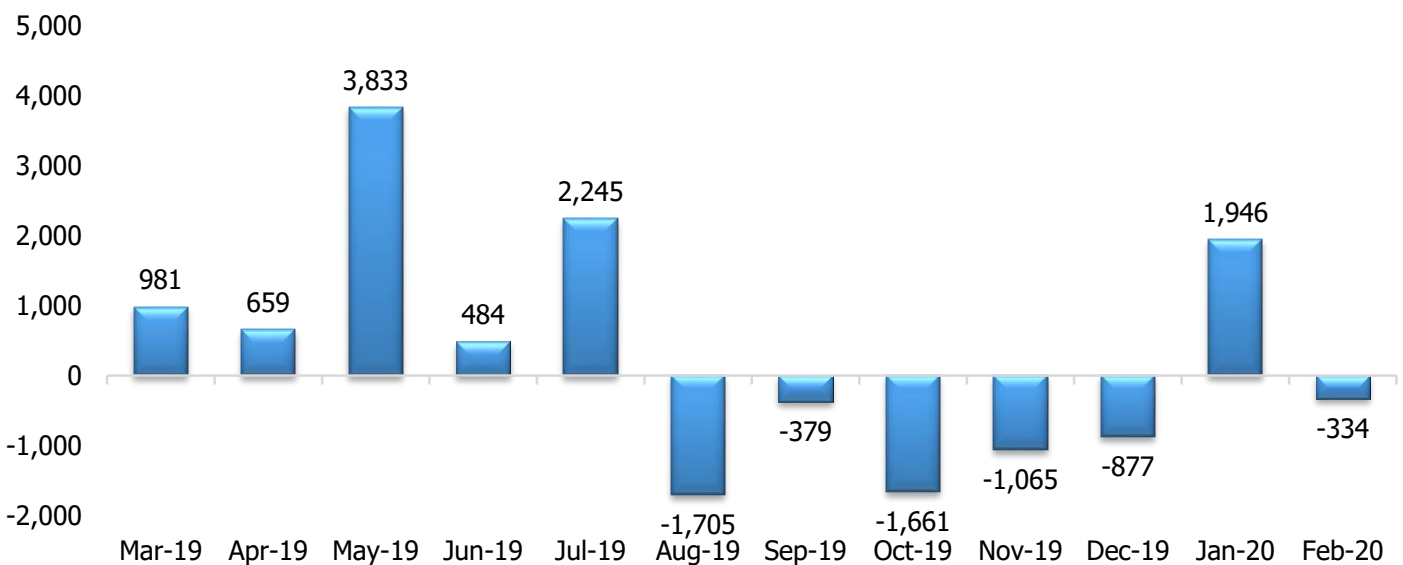
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

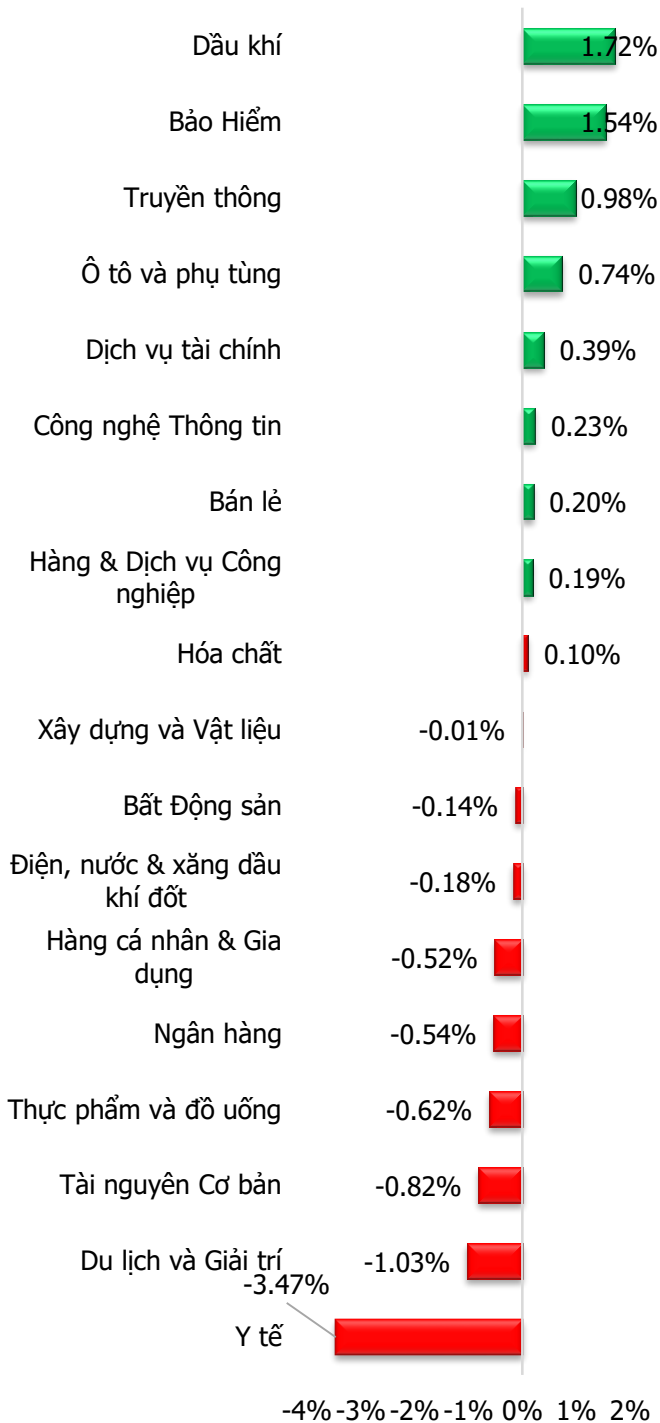
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
HDB	34.70	DXG	62.16
E1VFN30	32.62	VNM	38.72
CTG	14.97	HPG	33.84
VJC	6.17	VRE	16.64
VCB	5.71	GAS	12.50

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
WCS	0.24	PVS	11.35
TNG	0.22	PLC	4.12
AMV	0.20	SHS	2.28
VCS	0.10	NTP	1.76
SRA	0.09	SHB	1.03

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	VPB	24.0	26.7	21.9	24.15	23.80					Chờ khớp
Danh Mục Đang Nắm Giữ	BSR	7.6	8.4	6.9	7.60	7.50		2/5/2020		1.3%	Nắm giữ
	VEA	45.6	50.5	41.5	44.50	45.10		1/31/2020		-1.3%	Nắm giữ
	VBB	16.2	17.9	14.7	15.80	16.00		1/22/2020		-1.3%	Nắm giữ
	IDV	37.9	42.0	34.5	39.50	37.50		1/9/2020		5.3%	Nắm giữ
	BCE	6.9	7.7	6.3	6.79	6.88		12/26/2019		-1.3%	Nắm giữ
	VIC	115.1	127.7	104.9	114.50	114.00		12/26/2019		0.4%	Nắm giữ
	C4G	6.1	6.7	5.5	5.60	6.00		12/16/2019		-6.7%	Nắm giữ
	EIB	17.1	18.9	15.5	17.20	16.9		11/6/2019		1.8%	Nắm giữ
DP3	64.6	71.7	58.9	71.00	64.00		8/5/2019		10.9%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	TNA	14.1	15.7	12.9	25.10	14.00	23.4	9/23/2019	12/26/2019	66.8%	Đã bán
	VPB	19.6	21.7	17.8	22.70	19.40	23.00	12/5/2019	1/31/2020	18.6%	Đã bán
	DHC	39.3	43.6	35.8	39.50	38.90	39.20	1/17/2020	2/3/2020	0.8%	Đã bán
	VSC	26.1	28.9	23.7	26.40	25.80	26.20	12/19/2019	1/31/2020	1.6%	Đã bán
	ACB	23.4	26.0	21.3	23.60	23.20	23.70	1/15/2020	1/31/2020	2.2%	Đã bán
	STB	10.4	11.5	9.5	10.35	10.30	10.40	1/13/2020	1/31/2020	1.0%	Đã bán
	KDH	25.9	28.7	23.6	26.25	25.60	26.5	9/26/2019	12/19/2019	3.5%	Đã bán
	SNZ	19.4	21.5	17.7	19.00	19.2	19.5	10/21/2019	12/3/2019	1.6%	Đã bán
	GMD	23.5	26.1	21.4	23.50	23.30	23.60	12/16/2019	12/27/2019	1.3%	Đã bán
	NTC	163.6	181.4	149.0	150.00	162.00	157.00	1/31/2020	2/11/2010	-3.1%	Đã bán
	STK	17.8	19.7	16.2	16.80	17.60	16.85	1/30/2020	2/5/2020	-4.3%	Đã bán
	CTD	52.5	58.2	47.8	50.10	52.00	50.60	1/7/2020	2/5/2020	-2.7%	Đã bán
	GMC	19.7	21.8	17.9	18.70	19.50	18.50	1/30/2020	2/3/2020	-5.1%	Đã bán
	MSH	46.0	51.0	41.9	43.20	45.50	43.20	1/30/2020	2/3/2020	-5.1%	Đã bán
	SJS	17.1	18.9	15.5	16.50	16.90	16.10	1/17/2020	2/3/2020	-4.7%	Đã bán
	TNG	16.1	17.8	14.6	14.60	15.90	14.60	1/8/2020	2/3/2020	-8.2%	Đã bán
	ITC	16.9	18.7	15.4	15.80	16.70	15.80	1/2/2020	2/3/2020	-5.4%	Đã bán
	NCT	71.2	79.0	64.9	69.50	70.50	70.00	12/13/2019	12/26/2019	-0.7%	Đã bán
	HBC	11.0	12.2	10.0	10.90	10.90	10.80	1/7/2020	1/31/2020	-0.9%	Đã bán
	DRC	26.0	28.8	23.6	24.70	25.70	24.90	1/17/2020	1/31/2020	-3.1%	Đã bán
	KBC	16.1	17.8	14.6	14.85	15.90	15.00	1/15/2020	1/31/2020	-5.7%	Đã bán
	PVS	17.9	19.8	16.3	17.30	17.70	17.30	1/14/2020	1/31/2020	-2.3%	Đã bán
	VHC	39.5	43.8	36.0	37.50	39.10	37.50	1/14/2020	1/31/2020	-4.1%	Đã bán
	TDH	10.4	11.5	9.5	9.97	10.30	10.10	1/6/2020	1/31/2020	-1.9%	Đã bán
	DPM	13.2	14.7	12.1	12.45	13.10	12.50	12/10/2019	1/31/2020	-4.6%	Đã bán
	PVD	15.9	17.6	14.4	14.60	15.70	14.8	1/7/2020	1/15/2020	-5.7%	Đã bán
	BSR	8.5	9.4	7.7	7.90	8.40	7.7	1/7/2019	1/10/2020	-8.3%	Đã bán
	REE	36.7	40.7	33.4	35.70	36.30	36.0	12/31/2019	1/9/2020	-0.8%	Đã bán
	HDC	24.1	26.8	22.0	22.60	23.90	23.00	12/30/2019	1/9/2020	-3.8%	Đã bán
	TGG	1.9	2.1	1.7	1.74	1.85	1.83	12/4/2019	1/9/2020	-1.1%	Đã bán
	VEA	48.8	54.1	44.4	42.70	48.30	43.20	12/18/2019	1/9/2020	-0.6%	Đã bán
	NTL	23.2	25.8	21.2	22.25	23.00	22.9	11/28/2019	12/3/2019	-0.4%	Đã bán
DHG	94.9	105.3	86.5	89.20	94.00	86.5	9/5/2019	1/8/2019	-8.0%	Đã bán	
DXG	14.5	16.1	13.2	13.90	14.40	14.00	12/13/2019	1/6/2019	-2.8%	cần bán	
FLC	4.7	5.3	4.3	4.33	4.70	4.33	12/17/2019	1/6/2019	-7.9%	Đã bán	
HUT	2.5	2.8	2.3	2.40	2.50	2.30	12/18/2019	12/30/2019	-8.0%	Đã bán	
C69	9.6	10.6	8.7	8.60	9.50	8.70	12/24/2019	12/30/2019	-8.4%	Đã bán	

SMB	42.6	47.3	38.8	38.50	42.2	38.5	11/19/2019	12/18/2019	-0.2%	Đã bán
HAX	18.0	19.9	16.4	16.85	17.80	16.90	12/11/2019	12/25/2019	-5.1%	Đã bán
TDH	10.1	11.2	9.2	9.80	10.00	9.80	12/10/2019	12/24/2019	-2.0%	Đã bán
CRE	25.3	28.0	23.0	23.85	25.0	23.8	10/16/2019	12/17/2019	-4.8%	Đã bán
MBB	22.1	24.5	20.1	21.45	21.90	21.40	12/5/2019	12/10/2019	-2.3%	Đã bán
SJS	16.9	18.7	15.4	16.10	16.7	16.2	11/22/2019	12/3/2019	-3.0%	Đã bán
SZC	18.0	19.9	16.4	16.50	17.8	16.4	11/22/2019	12/3/2019	-7.9%	Đã bán
KDF	32.5	36.1	29.6	32.00	32.2	31.4	10/14/2019	12/3/2019	-2.5%	Đã bán
PWA	11.7	13.0	10.7	10.80	11.6	10.8	11/22/2019	12/2/2019	-6.9%	Đã bán
SZL	49.0	54.3	44.6	46.35	48.5	44.6	11/22/2019	12/2/2019	-8.0%	Đã bán
BDB	44.4	49.3	40.5	54.20	44.00	55.0	7/2/2019	10/7/2019	25.0%	Đã bán
PME	48.4	53.6	44.1	53.00	47.90	54.3	7/30/2019	10/4/2019	13.4%	Đã bán
CVT	20.4	22.6	18.6	22.50	20.20	22.5	8/15/2019	10/8/2019	11.4%	Đã bán
TCB	21.7	24.1	19.8	23.15	21.50	23.5	8/19/2019	10/8/2019	9.3%	Đã bán
VPB	20.5	22.7	18.7	22.30	20.30	22.3	9/13/2019	10/7/2019	9.9%	Đã bán
DPM	13.5	15.0	12.3	14.10	13.40	14.3	9/30/2019	10/23/2019	6.7%	Đã bán
PTB	70.8	78.5	64.5	73.60	70.10	74.0	10/3/2019	10/30/2019	5.6%	Đã bán
KDC	21.0	23.3	19.1	21.6	20.8	21.8	10/11/2019	10/22/2019	4.8%	Đã bán
DBC	23.4	26.0	21.3	23.50	23.20	24.0	9/25/2019	10/22/2019	3.4%	Đã bán
BMP	53.1	58.9	48.4	52.60	52.60	53.5	9/19/2019	10/22/2019	1.7%	Đã bán
AAA	15.2	16.8	13.8	15.0	15.0	15.1	10/15/2019	10/22/2019	0.7%	Đã bán
TV2	91.5	101.5	83.4	90.50	90.60	91.0	10/3/2019	10/22/2019	0.4%	Đã bán
BSR	9.4	10.4	8.6	9.70	9.30	9.8	9/3/2019	11/25/2019	5.4%	Đã bán
GTN	19.9	22.1	18.1	19.70	19.70	20.2	9/10/2019	11/25/2019	2.5%	Đã bán
IJC	15.5	17.1	14.1	15.50	15.30	15.5	10/2/2019	11/25/2019	1.3%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
GAB	54,000	3,500	6.93%	84,520
YBM	3,550	230	6.93%	4,820
D2D	51,400	3,300	6.86%	538,320
RIC	5,920	380	6.86%	5,000
NAV	17,950	1,150	6.85%	1,830

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	500	100	25.00%	317,300
ACM	600	100	20.00%	1,472,410
SPI	1,000	100	11.11%	119,800
WSS	2,200	200	10.00%	500
DNM	13,300	1,200	9.92%	3,900

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TCD	9,910	-740	-6.95%	10
HSL	6,670	-500	-6.97%	88,380
VSI	22,650	-1,700	-6.98%	310
AGF	2,790	-210	-7.00%	16,390
DCL	23,250	-1,750	-7.00%	97,980

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KTS	8,400	-900	-9.68%	100
AMV	18,500	-2,000	-9.76%	789,230
BPC	10,100	-1,100	-9.82%	3,210
L35	12,600	-1,400	-10.00%	200
DST	800	-100	-11.11%	53,400

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CTG	26,550	-350	-1.30%	11,732,260
DLG	1,790	80	4.68%	10,198,390
LMH	2,050	-150	-6.82%	7,884,890
DXG	10,900	200	1.87%	7,330,590
VPB	24,150	700	2.99%	6,401,650

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	7,400	600	8.82%	13,147,005
NVB	9,100	100	1.11%	2,527,100
ACM	600	100	20.00%	1,472,410
SHS	6,600	100	1.54%	932,570
AMV	18,500	-2,000	-9.76%	789,230

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CTG	26,550	-350	-1.30%	11,732,260
DLG	1,790	80	4.68%	10,198,390
LMH	2,050	-150	-6.82%	7,884,890
DXG	10,900	200	1.87%	7,330,590
MBB	21,150	0	0.00%	7,177,000

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	7,400	600	8.82%	13,147,005
PVS	16,100	400	2.55%	3,133,516
ACB	23,000	-200	-0.86%	2,790,275
NVB	9,100	100	1.11%	2,527,100
ACM	600	100	20.00%	1,472,410

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	218,798	18,560	2,410	0.7%	16.2%	22.57	2.93	1,051,933	53,500	78.06%
2	CTD	3,822	110,305	9,320	11.2%	22.5%	5.38	0.45	136,103	50,600	-60.98%
3	CTG	100,160	20,624	2,541	0.7%	11.9%	10.59	1.30	4,588,522	26,550	33.83%
4	BVH	41,347	25,688	1,550	1.3%	8.4%	35.94	2.17	179,281	56,800	-40.99%
5	DPM	4,520	20,433	965	5.9%	7.8%	11.97	0.57	388,567	11,400	-45.64%
6	EIB	21,577	12,810	704	0.9%	8.6%	24.91	1.37	2,387,444	17,200	-1.68%
7	FPT	35,135	20,699	4,627	11.7%	23.0%	11.19	2.50	1,975,831	52,000	39.12%
8	GAS	156,944	25,363	6,239	17.5%	25.7%	13.14	3.23	312,212	81,600	-2.77%
9	GMD	5,582	19,752	1,734	17.6%	27.3%	10.84	0.95	929,510	18,900	-22.37%
10	HDB	26,520	19,813	3,745	1.4%	18.6%	7.36	1.39	1,750,561	28,400	-9.67%
11	HPG	67,922	17,241	2,719	16.4%	26.8%	9.05	1.43	6,214,090	24,450	17.15%
12	MBB	49,188	16,338	3,403	1.4%	14.9%	6.22	1.29	4,801,584	21,150	7.39%
13	MSN	58,447	36,597	4,766	8.9%	26.1%	10.49	1.37	1,187,933	50,000	-36.22%
14	MWG	48,901	26,991	8,642	12.2%	41.3%	12.49	4.00	866,255	108,000	32.23%
15	NVL	53,325	22,973	3,648	3.7%	13.6%	15.08	2.39	1,545,097	54,000	-3.00%
16	PNJ	18,916	20,312	5,345	18.8%	28.3%	15.71	4.14	710,919	82,700	19.87%
17	REE	10,356	33,532	5,285	11.6%	19.1%	6.32	1.00	929,219	33,300	4.39%
18	ROS	4,586	10,645	314	7.6%	14.0%	25.73	0.76	24,029,926	7,520	-74.47%
19	SAB	130,180	29,325	7,880	22.0%	30.1%	25.76	6.92	116,055	194,000	-12.38%
20	SBT	10,829	11,948	575	3.0%	8.0%	30.95	1.49	2,593,561	17,750	-8.88%
21	SSI	8,807	18,215	1,787	6.6%	14.4%	9.52	0.93	1,731,148	16,950	-31.96%
22	STB	18,397	14,826	1,361	0.4%	6.3%	7.49	0.69	3,463,747	10,250	-17.74%
23	TCB	76,128	17,651	2,881	3.1%	25.6%	7.55	1.23	3,874,167	21,750	-20.04%
24	VCB	333,057	23,099	4,991	1.2%	20.3%	17.99	3.89	860,101	88,900	60.35%
25	VHM	281,911	16,901	6,367	0.0%	0.0%	13.46	5.07	1,890,275	86,000	8.42%
26	VIC	388,303	22,596	2,225	1.6%	5.8%	51.59	5.08	745,557	114,500	16.19%
27	VJC	67,575	29,231	7,883	15.1%	45.4%	16.36	4.41	785,148	127,000	4.11%
28	VNM	182,845	15,794	6,076	28.5%	38.9%	17.28	6.65	1,172,054	106,600	-19.30%
29	VPB	57,165	17,318	3,377	2.6%	24.1%	6.94	1.35	4,125,540	24,150	16.96%
30	VRE	66,465	11,845	1,224	5.6%	7.9%	23.89	2.47	3,431,752	28,950	3.84%

(Nguồn: Finpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp

Email: minhdn@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglec@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Website: www.vn-cs.com